

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Vật lý nguyên tử, hạt nhân

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Duy Tập

2. Ngày tháng năm sinh: 09/03/1981; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Khu phố Phú Hòa, Thị trấn Hòa Hiệp Trung, Huyện Đông Hòa, Tỉnh Phú Yên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 19 đường 212, Khu phố 2, Phường Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 1/60/18A – Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: 02835152147; Điện thoại di động: 0798071485;

E-mail: tdtap@hcmus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2005 đến năm 2009: Trợ giảng tại Khoa Vật lý – Vật lý Kỹ thuật, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM)

Từ năm 2009 đến năm 2017: Giảng viên tại Khoa Vật lý – Vật lý Kỹ thuật, Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM

Từ năm 2017 đến năm 2020: Giảng viên tại Khoa Khoa học và Công nghệ Vật liệu, Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Bộ Môn Vật liệu Nano và Màng mỏng, Khoa Khoa học và Công nghệ Vật liệu, Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ Môn Vật Liệu Nano và Màng mỏng, Khoa Khoa học và Công nghệ Vật liệu,

Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM

Địa chỉ cơ quan: 227 Nguyễn Văn Cừ, P.4, Quận 5, TP.HCM

Điện thoại cơ quan: 02838358463

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 03 năm 2005, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý hạt nhân

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 03 tháng 03 năm 2009, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 27 tháng 09 năm 2013, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Kỹ thuật và quản lý hạt nhân

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại Học Tokyo, Nhật Bản

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Pin nhiên liệu hydro;
- Biến tính vật liệu bằng công nghệ bức xạ hạt nhân;
- Phát triển và ứng dụng các phương pháp phân tích phổ hạt nhân, nguyên tử, và phân tử trong phân tích cấu trúc và tính chất vật liệu chức năng và vật liệu nano.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 2 đề tài NCKH cấp Bộ;

- Đã công bố (số lượng) 31 bài báo KH, trong đó 19 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Giấy khen của Hiệu trưởng năm 2017: Đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2016-2017 (QĐ số 1193/QĐ-KHTN ngày 01/08/2017)	Trường	2017
2	Giấy khen của Hiệu trưởng năm 2019: Đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2016-2017 (QĐ số 1101/QĐ-KHTN ngày 01/08/2019)	Trường	2019
3	Chứng nhận của Chủ tịch Công đoàn năm 2014: Đạt danh hiệu xuất sắc trong hoạt động công đoàn năm học 2013-2014 (QĐ số 126/QĐ-CN ngày 09/12/2014)	Trường	2014

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

- Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan, và trách nhiệm.
- Có trình độ chuyên môn tốt.
- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo, và nghiên cứu khoa học được giao.
- Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân theo quy định của pháp luật.
- Luôn cố gắng và nhiệt huyết trong giảng dạy và hướng dẫn SV, HVCH, NCS, thực hiện tốt các nghĩa vụ của cán bộ giảng dạy trong nhà trường, thường xuyên hợp tác với đồng nghiệp trong giảng dạy, đào tạo và NCKH, tôn trọng, khách quan và công bằng với sinh viên.
- Không ngừng học hỏi, tự học và thường xuyên bồi dưỡng kiến thức nhằm nâng cao phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ giáo dục, đào tạo và

nghiên cứu khoa học được giao.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 12 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2009-2010					198.3		198.3/313.47/270
2	2015-2016			3	6	177	70	247/687.17/270
3	2016-2017			1	4	414	92	506/585.97/270
3 năm học cuối								
4	2017-2018				5	141	22	163/375.87/270
5	2018-2019				8	170	112	282/705.03/270
6	2019-2020				7	130	22.5	152.5/415.53/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS

☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Nhật Bản năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐.

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐.

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Toefl ITP (507 điểm), Chứng chỉ ngoại ngữ (Trình độ C)

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Văn Vinh		X	X		10/2015 đến 12/2016	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	20/04/2017

2	Nguyễn Ngọc Trân		X	X		10/2015 đến 03/2017	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	12/12/2017
3	Phan Trọng Thanh		X	X		11/2015 đến 10/2017	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	04/05/2018

4	Hoàng Văn Bắc		X	X		10/2016 đến 04/2018	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	20/12/2019
---	---------------	--	---	---	--	---------------------------	--	------------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 0

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Ứng dụng bức xạ hạt nhân và các phương pháp phân tích hạt nhân để tổng hợp màng ETFE ghép polystyrene sunpho hóa sử dụng cho pin nhiên liệu	CN	103.04-2015.61, cấp Bộ	05/05/2016 đến 05/05/2018	26/03/2020/ Xếp loại Đạt
2	Màng điện cực polymer sử dụng cho pin nhiên liệu	CN	C2017-18-19, cấp Bộ	05/05/2017 đến 05/05/2018	20/03/2020/ Xếp loại Tốt

Luru ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								

1	Multi-wall carbon nanotubes investigated by positron annihilation techniques and microscopies for further production handling	12	Không	Physica Status Solidi C / Online ISSN: 1610-1642	Hạng: Q3; H-index: 43; Cites/Doc. (2 years) = 0.839 - Scopus	2	06 , 11, 2578-2581	2009
2	Positron annihilation characteristics in multi-wall carbon nanotubes with different average diameters	6	Không	Journal of Physics: Conference Series / Online ISSN: 1742-6596; Print ISSN: 1742-6588	Hạng: Q3; H-index: 70; CiteScore: 0.7; Cites/Doc. (2 years) = 0.599 - Scopus	2	443 , 1-4	2013
3	Poly(ethylene-co-tetrafluoroethylene) (ETFE)-based graft-type polymer electrolyte membranes with different ion exchange capacities with various IEC: Relative humidity dependence for fuel cell applications	5	Có	Journal of Membrane Science / ISSN: 0376-7388	Hạng: Q1; H-index: 232 - SCIE IF: 7.015	16	447 , 19-25	2013

4	Investigate the BiPo decay with FADC 500 MHz	10	Không	Science and Technology Development Journal / ISSN: 1859-0128			12 , 17, 22-28	2009
5	Positron – Electron Correlation Energy in ZnO Using Quantum Monte Carlo Method	4	Không	Nuclear Science and Technology / ISSN: 1810-5408			02, 1-11	2009
6	The BiPo decay experiment	12	Có	Nuclear Science and Technology / ISSN: 1810-5408			04, 19-27	2009
7	Characterization of defects in Si by helium implantation using a slow positron beam	9	Có	Nuclear Science and Technology / ISSN: 1810-5408			03, 1-7	2009

Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ

8	Hierarchical structure-property relationships in graft-type fluorinated polymer electrolyte membranes using small- and ultrasmall-angle X-ray scattering analysis	8	Có	Macromolecules / Print ISSN: 0024-9297; Online ISSN: 1520-5835	Hạng: Q1; H- index: 302 - SCIE IF: 5.997	13	47 , 07, 2373- 2383	2014
9	Hierarchical structures in graft-type polymer electrolyte membranes for fuel cell vehicles using ultra small angle X-ray scattering method	3	Có	Proceedings of 2017 CASEAN-5 / ISBN: 978-604-913-088-5			, 42-46	2017
10	Determination of cobalt in seawater using neutron activation analysis after preconcentration by adsorption onto γ -MnO ₂ nanomaterial	9	Không	Journal of Chemistry / Print ISSN: 2090-9063; Online ISSN: 2090-9071	Hạng: Q2; H- index: 44 - SCIE IF: 1.727	3	2018 , 1-8	2018

11	Humidity and temperature effects on mechanical properties and conductivity of graft-type polymer electrolyte membrane	9	Có	Radiation Physics and Chemistry / ISSN: 0969-806X	Hạng: Q2; H-index: 76 - SCIE IF: 1.984	2	151 , 186-191	2018
12	Graft-type polymer electrolyte membranes: relative humidity dependence of electrochemical and mechanical properties for fuel cell vehicles	13	Có	Proceedings of 2019 CASEAN-6 / ISBN: 978-604-913-088-5			, 281-285	2019
13	Effects of La ³⁺ on the enhancement NIR quantum cutting and UC emissions in Nd ³⁺ –Yb ³⁺ co-doped transparent silicate glass-ceramics for solar cells	6	Không	Optical Materials / ISSN: 0925-3467	Hạng: Q1; H-index: 98 - SCIE IF: 2.687	1	95 , 1-6	2019

14	Effects of Al ³⁺ /La ³⁺ ratio on the DSC/DTA and luminescence properties of Bi-doped lanthanum aluminosilicate glasses	8	Không	Infrared Physics & Technology / ISSN: 1350-4495	Hạng: Q2; H-index: 61 - SCIE IF: 2.313		103 , 1-6	2019
15	SAXS investigation on morphological change in lamellar structures during propagation steps of graft-type polymer electrolyte membranes for fuel cell applications	8	Có	Macromolecular Chemistry and Physics / Print ISSN: 1022-1352 ; Online ISSN: 1521-3935	Hạng: Q1; H-index: 108 - SCIE IF: 2.622		221 , 3, 1-10	2019

16	Effects of Heat Treatment and Yb ³⁺ Concentration on the Downconversion Emission of Er ³⁺ /Yb ³⁺ Co-Doped Transparent Silicate Glass-Ceramics	6	Không	Materials Research / Print ISSN: 1516-1439; Online ISSN: 1980-5373	Hạng: Q2; H-index: 42; Cites/Doc. (2 years) = 1.185 - Hệ thống CSDL quốc tế khác		22 , 05, 1-8	2019
17	Effects of Y ³⁺ on the enhancement NIR emission of Bi ³⁺ -Er ³⁺ co-doped in transparent silicate glass-ceramics for Erbium-doped fiber amplifier (EDFA)	9	Không	Journal of Luminescence / ISSN: 0022-2313	Hạng: Q2; H-index: 110 - SCIE IF: 2.961	1	219 , 1-9	2020

18	Energy transfer and spectroscopic properties of Cr ³⁺ /Yb ³⁺ -co-doped TeO ₂ -ZnO-La ₂ O ₃ 7 tellurite glasses under different wavelength excitation lights		Không	Optical Materials / ISSN: 0925-3467	Hạng: Q1; H-index: 98 - SCIE IF: 2.687		100 , 1-8	2020
19	Enhanced red upconversion emission and energy transfer of Tm ³⁺ /Cr ³⁺ /Yb ³⁺ 7 tri-doped transparent fluorosilicate glass-ceramics		Không	Journal of Non-Crystalline Solids / ISSN: 0022-3093	Hạng: Q1; H-index: 135 - SCIE IF: 2.6		535 , 1-7	2020
20	Internal and interfacial structure analysis of graft-type fluorinated polymer electrolyte membranes by smallangle X-ray scattering in the high-q range	6	Có	Journal of Applied Polymer Science / Print ISSN: 0021-8995; Online ISSN: 1097-4628	Hạng: Q2; H-index: 159 - SCIE IF: 2.188		137 , 35, 1-11	2020

21	Extraction of high crystalline nanocellulose from biorenewable resources of vietnamese agricultural waste	6	Không	Journal of Polymers and the Environment / ISSN: 15728900, 15662543	Hạng: Q2; H-index: 68 - SCIE IF: 2.765		28 , 1465-1474	2020
22	A hybrid model for estimation of pore size from ortho-positronium lifetimes in porous materials	14	Không	Radiation Physics and Chemistry / ISSN: 0969-806X	Hạng: Q2; H-index: 76 - SCIE IF: 1.984		172 , 1-5	2020
23	Design of a unique holder for structural modification of ZSM-5 zeolite using a 10 MeV electron beam generated from an industrial UERL-10-15S2 linear accelerator	18	Không	Radiation Physics and Chemistry / ISSN: 0969-806X	Hạng: Q2; H-index: 76 - SCIE IF: 1.984		174 , 1-9	2020

24	Determination of shear wave velocity by using multichannel analysis of surface wave and borehole measurements: A case study in Ho Chi Minh City	4	Có	Lowland Technology International / Print ISSN: 1344-9656; Online ISSN: 2187-8870 (Đang chờ in và chờ bản online)	Hạng: Q3; H-index: 10; Cites/Doc. (2 years) = 0.303 - Hệ thống CSDL quốc tế khác		22 , 2, 200-211	2020
25	Chitosan-MnO ₂ nanocomposite for effective removal of Cr (VI) from aqueous solution	11	Không	Chemosphere / ISSN: 0045-6535	Hạng: Q1; H-index: 228 - SCIE IF: 5.108		257 , 1-10	2020
26	Study of lamellar structures of graft-type fluorinated proton exchange membranes by small-angle X-ray scattering: preparation procedures and grafting degree dependence for fuel application	5	Có	Science & Technology Development Journal / ISSN: 1859-0128			18 , 4, 153-161	2015

27	Xác định cấu trúc vùng chuyển tiếp của màng điện cực polymer sử dụng cho pin nhiên liệu: Tiếp cận từ việc hiệu chỉnh quy luật Porod	7	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ / ISSN: 0866-708x			54 , 1A, 252-260	2016
28	Nghiên cứu mối quan hệ cấu trúc rỗng nano – sự thẩm thấu khí của màng ghép mạch điện cực polymer sử dụng cho pin nhiên liệu	7	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ / ISSN: 0866-708x			54 , 1A, 229-236	2016
29	Nghiên cứu cấu trúc màng điện cực polymer sử dụng tán xạ tia x góc hẹp và phổ bức xạ hủy positron	4	Có	Science & Technology Development Journal / ISSN: 1859-0128			1 , 6, 197-205	2017

30	Nghiên cứu cấu trúc của màng điện cực polymer sử dụng cho pin nhiên liệu bằng phương pháp tán xạ tia X góc nhỏ và siêu nhỏ	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam/ ISSN: 1859-4794			60 , 8, 8-11	2018
31	Ứng dụng phương pháp tán xạ tia X góc nhỏ đánh giá ảnh hưởng thẳng giáng mật độ điện tử đến các cấu trúc vi mô của màng dẫn proton trong pin nhiên liệu	11	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam/ ISSN: 1859-4794			62 , 1, 54-58	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 5

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Không có				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
1	Chương trình đào tạo cử nhân ngành Công nghệ vật liệu	Tham gia	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
2	Chương trình thạc sĩ Khoa học vật liệu phối hợp với Viện Khoa học vật liệu tiên tiến Nhật Bản (JAIST)	Tham gia	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm
2020

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)